

Bản án số: **04/2022/HNGĐ-PT**

Ngày 17/6/2022

V/v Tranh chấp ly hôn, giao nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoành,

Các Thẩm phán: Bà Phạm Ngọc Hà và ông Hồ Hữu Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Văn Tính, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2022/TLPT-HNGĐ
ngày 11/5/2022 về “*Tranh chấp về ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình số 27/2022/HNGĐ-ST, ngày 06/4/2022 của
Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐPT-HNGĐ, ngày 02/6/2022
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn X, xã
C, huyện S, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Chị Trần Thị L**, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện
S, tỉnh T. Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã C, huyện S, tỉnh T.

Người kháng cáo bản án: Bị đơn chị Trần Thị L.

Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn
anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh và chị Trần Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở
tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa
phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh T vào ngày 01/8/2006.
Sau khi kết hôn anh, chị sinh sống tại xã C, huyện S, tỉnh T. Quá trình chung sống
thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là

do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã quan điểm thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và sống ly thân từ năm 2020. Tháng 10/2021 anh T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Anh và Chị L kết hôn với nhau có 03 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 22/12/2005; cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 15/01/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 15/10/2014. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thu P và cháu Nguyễn Mạnh H, đề nghị chị L đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Mạnh H theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh T vào ngày 01/8/2006. Sau khi kết hôn anh, chị sinh sống tại xã C, huyện S, tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã quan điểm thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T có đơn xin ly hôn, chị cũng nhất trí thuận tình, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T kết hôn với nhau có 03 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 22/12/2005; cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 15/01/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 15/10/2014. Khi ly hôn chị nhận nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thùy T, đồng ý giao 02 cháu Nguyễn Thu P và cháu Nguyễn Mạnh H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên do điều kiện công việc, chỗ ăn ở không ổn định và thu nhập thấp (4.000.000 đồng/tháng) nên chị không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung, không nhất trí yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2022/HNGĐ-ST, ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang đã quyết định: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 15/01/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 15/10/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 22/12/2005 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Mạnh H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh T và chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chị L chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001743 ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh T đã nộp xong khoản tiền án phí. Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo bản án của các đương sự và trách nhiệm thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/4/2022, bị đơn chị Trần Thị L có đơn kháng cáo bản án. Nội dung kháng cáo xác định: Chị nhất trí việc Tòa án giao cho hai bên nuôi con chung, nhưng chị không nhất trí việc Tòa án buộc chị phải cấp dưỡng hàng tháng cùng anh T nuôi con chung là cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bản thân chị là công nhân có thu nhập ổn định nhưng thấp, hiện sức khỏe yếu, chị cũng đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy T; Hiện tại đất, nhà ở không có, đang ở nhờ bố mẹ đẻ và em cậu; chị sẽ tự nguyện cho con, mua sắm cho con đó là trách nhiệm của người làm mẹ. Anh T có thu nhập tương đối ổn định, không cần thiết phải cấp dưỡng. Nếu vì cấp dưỡng mà anh T không nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh H được thì chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Mạnh H cùng chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo. Anh Nguyễn Văn T xác định nhất trí với bản án sơ thẩm đã giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 15/01/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 15/10/2014 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 22/12/2005; chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Mạnh H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về đơn kháng cáo của chị Trần Thị L là hợp lệ, đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 15/01/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 15/10/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 22/12/2005 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quyết định chị Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Mạnh H 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án số 27/2022/HNGĐ-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục kháng cáo:

Ngày 27/4/2022 Tòa án nhận được đơn kháng của bị đơn chị Trần Thị L, đơn đề ngày 27/4/2022 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 27/2022/HNGĐ-ST, ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, đơn kháng cáo được chấp nhận là hợp lệ.

[2] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị L.

Chị L xác định cấp sơ thẩm khi xét xử việc giao con chung cho anh T và chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thì chị nhất trí. Tuy nhiên việc

buộc chị phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung với anh T là chưa phù hợp, chị không nhất trí thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T; trường hợp anh T không nuôi dưỡng được thì chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Mạnh H. Anh Nguyễn Văn T không nhất trí về việc chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về giao con và cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T và chị L có 03 con chung, quá trình giải quyết vụ án, căn cứ điều kiện cụ thể của các bên đương sự và xem xét nguyện vọng của con, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu P, cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án cấp sơ thẩm thu thập xác định anh T làm nghề tự do tại địa phương xã C, huyện S, tỉnh T có mức thu nhập bình quân 3.000.000 đồng/tháng; chị L là công nhân Công ty TNHH một thành viên S VN2, lương cơ bản trung bình 4.248.000 đồng/tháng, trong các tháng 11/2021, 12/2021 và 01/2022 có tổng thu nhập (gồm lương cơ bản và làm thêm giờ) trung bình là 6.851.897 đồng/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị L xác định hiện là công nhân Công ty TNHH một thành viên S VN2 với mức lương cơ bản mỗi tháng hơn 4.000.000 đồng; anh T xác định hiện tại anh đang lái xe thuê với mức lương trung bình 4.000.000 đồng/tháng. Cả chị L và anh T xác định nếu cháu Nguyễn Mạnh H sinh sống tại thôn X, xã C, huyện S sẽ thuận tiện hơn cho con trong việc đi lại học tập so với thôn M, xã C, huyện S.

Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn quy định: “1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. 2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. 3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn quy định: “1. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. 2. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, về mức cấp dưỡng quy định: “1. *Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.* 2. *Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”.

Xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và 01 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị L đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, chị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2022/HNGĐ-ST, ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 15/01/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 15/10/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 22/12/2005 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Mạnh H mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh T và chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chị L chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001743 ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh T đã nộp đủ tiền án phí. Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số AA/2021/0002052 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 17/6/2022.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội
- Viện kiểm sát ND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND h. Sơn Dương;
- CCTHADS h. Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPTA (HCTP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoành